

Bản án số: 499/2017/HSST

Ngày: 29/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Huyền – Cán bộ Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 499/2017/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Huỳnh T.** Sinh năm 1974. Tại Đồng Nai.

Tên gọi khác: Không có.

Nơi đăng ký HKTT: 12/5A, khu phố 3, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: 12/5A, khu phố 3, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

Trình độ học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: Lái xe.

Con ông Trần Hoàng G, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1945 (đã chết).

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Bị cáo có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1972; có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 211/LCĐKNCT ngày 08/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* anh Đặng Thanh B, sinh năm 1973 (đã chết);

- *Người đại diện hợp pháp của người bị hại:*

+ Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985. Là vợ của anh Đặng Thanh B.

Trú tại: 285A/10, tổ 13, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

+ Bà Trần Thị M, sinh năm 1950. Là mẹ của Đặng Thanh B.

HKTT: Xã T, huyện TH, tỉnh H.

Hiện đang cư trú tại: 285A/10, tổ 13, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Bà Trần Thị M ủy quyền cho chị Bùi Thị H thay mặt tham gia quá trình giải quyết vụ án (theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2017). Chị H có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần M.

Địa chỉ: Số 12, đường H, phường B, TP. B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Bạch Văn H – Chức Tổng giám đốc. Ủy quyền cho ông Trần Công V, sinh năm 1971 – Chức vụ: Phó Giám đốc Xí nghiệp MB; trú tại: Khu 2, ấp B, xã BH, huyện V, tỉnh Đ (theo văn bản ủy quyền số 294/UQ-SZE-NSHC ngày 12/6/2017). Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Huỳnh T, bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trần Huỳnh T là công nhân của Công ty cổ phần M. Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 07/6/2017, T có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô biển số 60C-246.77 (xe chở rác thuộc sở hữu của Công ty cổ phần M) vào Công ty trách nhiệm hữu hạn K và U có trụ sở tại: Lô C8, Khu Công nghiệp L, phường L, thành phố B để thu gom rác. Sau khi thu gom rác xong, T điều khiển xe ô tô biển số 60C-246.77 chạy ra cổng của Công ty thì bị 01 xe ô tô khác chắn ngang cổng, T điều khiển xe ô tô biển số 60C-246.77 lùi lại. Lúc này, anh Đặng Thanh B (nhân viên Công ty) đang đi bộ phía sau xe ô tô biển số 60C-246.77. Do T điều khiển xe ô tô biển số 60C-246.77 lùi xe không đảm bảo an toàn nên máng chứa nước thải phía sau đuôi xe ô tô do T điều khiển đã đụng vào anh B làm anh B té ngã xuống đường bị thương nặng và tử vong tại Bệnh viện Đ.

- Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường đã thu thập được các dấu vết như sau:

Tất cả các dấu vết đều thu thập được đo vào mép khu nhà sản xuất bên tay phải theo hướng đường số 8 đi về hướng cuối Công ty TNHH K và U. Góc kho đông lạnh làm mốc.

+ Số 1 là xe ô tô biển số 60C-246.77 dừng trên mặt đường, đầu quay ra hướng đường số 8, đuôi quay về hướng cuối công ty, trục bánh trước bên trái cách mép đường là 03m70, trục bánh sau bên trái cách mép đường là 03m10, trục bánh sau bên phải về hướng cuối công ty cách góc kho đông lạnh là 25m55.

+ Số 2 là vị trí nạn nhân nằm trên đường ở khu vực bánh sau bên trái xe số 1 (phần sau), đầu quay về hướng lề phải, chân quay về hướng lề trái, đầu nạn nhân cách mép đường là 02m90.

+ Số 3 là vết chà da, thịt, vải áo của nạn nhân trên mặt đường, đầu vết cách mép đường là 03m20, về hướng cuối công ty đến vị trí nạn nhân là 0m90, cách trục bánh sau bên trái xe số 1 là 0m60.

Tại kết luận giám định pháp y về tử thi số 163/TT/2017 ngày 12/7/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận nguyên nhân tử vong của anh Đặng Thanh B do: Chấn thương ngực gây gãy nhiều xương sườn bên phải, dập phổi trái, dập rách nhu mô phổi phải phức tạp, chảy máu hậu quả gây xuất huyết dưới nội tâm mạc.

- Vật chứng vụ án:

+ 01 (một) xe ô tô biển số 60C-246.77 là xe chở rác của Công ty cổ phần M, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả cho chủ sở hữu.

Quá trình điều tra: Trần Huỳnh T đã bồi thường cho gia đình bị hại Đặng Thanh B số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại và đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại cáo trạng số 492/CT/VKS-HS ngày 18 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Trần Huỳnh T về tội “Vô ý làm chết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo Trần Huỳnh T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị cáo có nhân thân tốt thể hiện chưa có tiền án, tiền sự; gia đình có công với cách mạng (có cha và mẹ của bị cáo được tặng huân chương kháng chiến); bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; chấp hành tốt chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật tại địa phương và quá trình làm việc được Công ty xác nhận thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm nội quy của Công ty. Căn cứ điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt:

- Bị cáo Trần Huỳnh T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thỏa thuận xong các khoản bồi thường dân sự với người đại diện gia đình bị hại. Chị Bùi Thị H (vợ anh B) đại diện gia đình bị hại đã làm đơn bãi nại và đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, không yêu cầu gì thêm.

- Về án phí: Bị cáo Trần Huỳnh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

- Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Huỳnh T khai nhận: Bị cáo là công nhân của Công ty cổ phần M. Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 07/6/2017, bị cáo điều khiển xe ô tô biển số 60C-246.77 (loại xe chở rác thuộc sở hữu của Công ty cổ phần môi trường Sonadezi) đi vào trong khuôn viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn K và U, có trụ sở tại: Lô C8, Khu công nghiệp L, phường L, thành phố B để thu gom rác. Sau khi thu gom rác xong, bị cáo điều khiển xe ô tô chạy ra cổng của Công ty thì bị 01 xe ô tô khác chặn ngang cổng, bị cáo điều khiển xe ô tô lùi lại. Do chủ quan, nghĩ phía sau đuôi xe không có người, nên bị cáo đã điều khiển xe ô tô chở rác biển số 60C-246.77 lùi về phía sau mà không chú ý, quan sát, không sử dụng tín hiệu đèn, còi nên phía sau đuôi xe ô tô do bị cáo T điều khiển đã đụng vào anh Đặng Thanh B đang đi bộ giật lùi về phía xe chở rác đang lùi trên đường nội bộ trong khuôn viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn K và U. Hậu quả làm anh B té ngã xuống đường và dẫn đến tử vong.

Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Đáng lẽ ra trước khi bị cáo điều khiển xe ô tô lùi về phía sau, bị cáo cần phải quan sát kỹ

khu vực phía sau nếu thấy đủ an toàn thì mới cho lùi xe, nhưng bị cáo chủ quan, bất cẩn, nghĩ không có người phía sau và bị cáo đã điều khiển lùi xe ô tô không đảm bảo an toàn, dẫn đến hậu quả làm chết người, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về lỗi vô ý của mình.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, sơ đồ hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận hành vi thực hiện của bị cáo đã cấu thành tội “Vô ý làm chết người”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 98 của Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

Do vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của gia đình người bị hại, đã được người đại diện gia đình bị hại làm đơn bãi nại và đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện chưa có tiền án, tiền sự; bản thân bị cáo là bộ đội xuất ngũ; gia đình có công với nước (cha, mẹ của bị cáo là ông Trần Hoàng G và bà Huỳnh Thị T đều được Nhà nước tặng “Huân chương chiến sĩ vẻ vang”, “Huân chương kháng chiến và Huân chương giải phóng hạng Nhất - Nhì - Ba”; cha bị cáo được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi đảng; cậu ruột bị cáo là ông Huỳnh Công B là liệt sỹ chống Mỹ cứu nước); bị cáo lần đầu phạm tội, bản thân là lao động chính trong gia đình và có nơi cư trú rõ ràng, quá trình được tại ngoại bị cáo chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; quá trình làm việc được Công ty xác nhận thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm nội quy của Công ty; tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Thực hiện theo Công văn số: 276/TANDTC - PC, ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định có lợi cho người phạm tội. Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 128 Bộ luật Hình sự năm 2015 xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước.

Xét thấy, bị cáo Trần Huỳnh T có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 31 Bộ luật Hình sự, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là hình

phạt chính đối với bị cáo, để tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo bản thân, tiếp tục lao động, học tập tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú của bị cáo là đủ nghiêm.

Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo chưa đi làm trở lại, không có thu nhập, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên miễn cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thỏa thuận xong các khoản bồi thường dân sự với người đại diện gia đình bị hại. Tại phiên tòa chị Bùi Thị H (vợ anh B) đại diện gia đình bị hại không yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án:

+ 01 (một) xe ô tô biển số 60C-246.77 là xe chở rác của Công ty cổ phần môi trường Sonadezi, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả cho chủ sở hữu, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bị cáo Trần Huỳnh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Huỳnh T** phạm tội “Vô ý làm chết người”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 98; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 128 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị định số 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định về việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ;

Xử phạt: Trần Huỳnh Tiên **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ**.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Trần Huỳnh T cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đ (nơi bị cáo thường trú) giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Huỳnh T.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Huỳnh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Huỳnh T; Người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường Q, TP. Biên Hòa;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Hùng